TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 6 - 2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNTHỊ XÃ GÒ CÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà **Lê Thị Hằng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Công Mẫn**

2. Bà **Võ Thị Bích Liên**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Hồng Tâm**- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lưu Thị Trúc L**, sinh năm: 1986 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp BN, xã BP, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Lê Thanh T**, sinh năm: 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số BTA ĐK khu phố H, phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 22/3/2019, Bản tự khai ngày 11/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị Trúc L trình bày: Chị và anh Lê Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 02/2005 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cải nhau. Từ tháng 7/2018 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Không hàn gắn tình cảm lại được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

***** Bị đơn anh Lê Thanh T mặc dù được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án Bản tự khai cũng như văn bản ghi ý kiến của mình. Đồng thời Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Lê Thanh T nhưng do anh vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh Lê Thanh T và không hòa giải vụ án được.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe đương sự trình bày, tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc quan hệ tranh chấp "Ly hôn" được quy định tại khoản 1Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lưu Thị Trúc L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Lê Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 02/2005, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cải nhau. Từ tháng 7/2018 anh, chị sống ly thân cho đến nay. Không hàn gắn tình cảm lại được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh T. Chị L sống chung với anh T không đăng ký kết hôn nên không thể xem xét cho chị L hôn mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng mới phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Phía anh T đã được triệu tập hợp lệ để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn mâu thuẫn nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị L.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lưu Thị Trúc L và anh Lê Thanh T là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Lưu Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 43035 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Khấu trừ xem như đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Án được tuyên cùng ngày.

Nơi nhận:
- VKSND TXGC;
- CCTHADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Hằng